

BỘ CÔNG AN
Số: 06/2009/TT-
BCA(C11)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Căn cứ Điều 54 Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Bộ Công an quy định việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1.1. Thông tư này quy định việc cấp, thu hồi giấy đăng ký, biển số các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm: xe ô tô; ô tô đầu kéo; máy kéo; rơmoóc hoặc sơ mi rơmoóc được kéo bởi ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự (sau đây gọi tắt là xe) của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có trụ sở hoặc cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Thông tư này không áp dụng đối với xe Quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

2. Phân cấp cơ quan cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe

2.1. Cơ quan cấp đăng ký, biển số xe:

2.1.1. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt tổ chức cấp giấy đăng ký, biển số xe ô tô của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài làm việc trong cơ quan, tổ chức đó; một số cơ quan Trung ương (có danh mục kèm theo) và xe của Bộ Công an.

Ngoài các xe quy định trên, Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt cấp đăng ký xe theo yêu cầu nghiệp vụ được lãnh đạo Bộ Công an hoặc Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phê duyệt.

2.1.2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức cấp đăng ký, biển số xe ô tô, máy kéo; rơmoóc, sơ mi rơmoóc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; xe Quân đội làm kinh tế; mô tô, xe gắn máy, xe máy điện của tổ chức, cá nhân nước ngoài, liên doanh, dự án tại địa phương mình (trừ các đối tượng quy định tại điểm 2.1.1 nêu trên).

2.1.3. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Công an cấp huyện) tổ chức cấp đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước đang cư trú hoặc có trụ sở tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (trừ các đối tượng quy định tại các điểm 2.1.1 và 2.1.2 nêu trên).

2.2. Cơ quan thu hồi đăng ký, biển số xe:

- Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt.

- Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Phòng Cảnh sát giao thông).

- Công an cấp huyện.

3. Thời hạn hoàn thành thủ tục để cấp, đổi đăng ký, biển số và các giấy tờ về sang tên di chuyển, giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe.

3.1. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe bảo đảm đúng quy định, cơ quan đăng ký xe cấp ngay biển số; cấp đăng ký, hồ sơ (trường hợp sang tên di chuyển), giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe (trường hợp thu hồi đăng ký, biển số) hoặc cấp lại đăng ký, biển số xe, thời hạn tối đa không quá 3 ngày làm việc.

3.2. Đăng ký tạm thời xe: Sau khi nhận hồ sơ đúng quy định, cơ quan đăng ký xe cấp đăng ký và biển số tạm thời trong ngày.

4. Trách nhiệm của cơ quan và cán bộ làm nhiệm vụ cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe.

4.1. Cơ quan đăng ký xe có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác đăng ký, cấp biển số xe.

Nghiêm cấm quy định thêm các thủ tục đăng ký xe trái quy định tại Thông tư này.

4.2. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe phải kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ với xe, nếu thấy đầy đủ và đúng thủ tục theo quy định thì tiếp nhận giải quyết; trường hợp hồ sơ không bảo đảm thủ tục quy định thì phải hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần cho chủ xe để bổ sung và chịu trách nhiệm về sự hướng dẫn đó.

4.3. Đối với hồ sơ đăng ký, cấp biển số mới; đăng ký sang tên, di chuyển, đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe hoặc hồ sơ đã đăng ký xe trước đây được lưu trữ tại cơ quan đăng ký xe, nay giao lại cho chủ xe tự quản lý thì cán bộ đăng ký xe phải đóng dấu tiêu đề “HỒ SƠ CHỦ XE TỰ QUẢN LÝ” (mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) vào giữa các trang của các loại giấy tờ giao cho chủ xe theo quy định.

5. Trách nhiệm của chủ xe

5.1. Phải có đầy đủ hồ sơ theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của hồ sơ và xe đến đăng ký.

5.2. Nộp lệ phí đăng ký và biển số theo quy định.

5.3. Nhận và bảo quản những giấy tờ trong hồ sơ đăng ký xe đã được cơ quan đăng ký xe trả lại và xuất trình với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu hoặc giao lại những giấy tờ đó cho người mua, người được cho, tặng xe.

5.4. Trường hợp làm thủ tục sang tên, di chuyển; đổi, cấp lại đăng ký, biển số, chủ xe chỉ cần nộp giấy tờ quy định tại các điểm 1, 2 phần B và các điểm 1.2, 1.3 phần C mục II của Thông tư này.

5.5. Nghiêm cấm mọi hành vi giả mạo hồ sơ, đục xóa số máy, số khung để đăng ký xe.

II. QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN SỐ XE

Công tác đăng ký, cấp biển số xe bao gồm: đăng ký, cấp biển số; sang tên, di chuyển; cấp, đổi lại đăng ký, biển số; đăng ký tạm thời.

A. ĐĂNG KÝ CẤP BIỂN SỐ XE

Thủ tục hồ sơ đăng ký xe gồm: Giấy khai đăng ký xe; giấy tờ của chủ xe; giấy tờ của xe, cụ thể:

1. Giấy khai đăng ký xe

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 02 kèm theo Thông tư này);

2. Giấy tờ của chủ xe

Chủ xe phải xuất trình một trong những loại giấy tờ sau:

2.1. Chủ xe là người Việt Nam:

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (còn giá trị). Trường hợp chưa đến tuổi được cấp Giấy chứng minh nhân dân hoặc nơi thường trú trong chứng minh không phù hợp nơi đăng ký thường trú trong giấy khai đăng ký thì xuất trình hộ khẩu.
- Giấy chứng minh Quân đội nhân dân, Giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, kèm theo giấy giới thiệu của đơn vị công tác.
- Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện kèm theo giấy giới thiệu của nhà trường.
- Chủ xe là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về sinh sống, làm việc tại Việt Nam: Sổ tạm trú hoặc sổ hộ khẩu và xuất trình hộ chiếu (còn giá trị) hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu.

2.2. Chủ xe là người nước ngoài:

- Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế: Chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ (còn giá trị) và giấy giới thiệu của Cục Lễ tân Nhà nước hoặc Sở Ngoại vụ.
- Người nước ngoài làm việc, sinh sống ở Việt Nam: Hộ chiếu (còn giá trị) hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, giấy phép lao động theo quy định hoặc giấy giới thiệu của tổ chức, cơ quan Việt Nam quản lý người nước ngoài hoặc Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú từ một năm trở lên theo quy định của pháp luật.

2.3. Chủ xe là cơ quan, tổ chức.

- Cơ quan, tổ chức Việt Nam: Giấy giới thiệu kèm theo Giấy chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe.
- Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế; Giấy giới thiệu của Cục Lễ tân Nhà nước hoặc Sở Ngoại vụ ghi rõ tên cơ quan, tổ chức kèm theo giấy tờ tùy thân của người đến đăng ký xe.
- Doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Văn phòng đại diện, Công ty nước ngoài trúng thầu, các tổ chức phi chính phủ: Giấy giới thiệu kèm theo Giấy chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe (trong trường hợp cơ quan không có giấy giới thiệu thì phải có giấy giới thiệu của cơ quan cấp trên quản lý).

2.4. Người được ủy quyền đăng ký xe phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, giấy ủy quyền của chủ xe có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, đơn vị công tác.

3. Các giấy tờ của xe

3.1. Chứng từ mua bán, cho, tặng, thừa kế xe:

Chứng từ mua bán, cho, tặng thừa kế xe phải có một trong các loại giấy tờ sau đây:

3.1.1. Quyết định bán, cho, tặng hoặc hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật.

3.1.3. Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (nếu xe bán ra chuyển qua nhiều tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp thì khi đăng ký chỉ cần bản chính hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành của tổ chức, cơ quan doanh nghiệp bán cuối cùng; nhiều xe chung một hóa đơn thì phải chứng thực hoặc sao y).

Đối với xe của doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh phải có hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn tự in theo quy định của pháp luật; trường hợp mua xe thanh lý của các cơ quan hành chính sự nghiệp, phải có hóa đơn bán tài sản thanh lý; trường hợp mua xe là tài sản dự trữ quốc gia, phải có hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia.

3.1.4. Xe của đồng sở hữu khi bán, cho, tặng phải có đủ chữ ký hoặc giấy ủy quyền bán thay của các sở hữu chủ.

3.1.5. Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có xác nhận của đơn vị công tác hoặc có chứng thực chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định.

3.1.6. Trường hợp xe là tài sản của doanh nghiệp Nhà nước được giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê khi đăng ký, sang tên chuyển nhượng phải có quyết định cho, bán của Bộ trưởng; Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị của doanh nghiệp, kèm theo hợp đồng mua bán và bản kê khai bàn giao tài sản.

3.1.7. Trường hợp góp vốn bằng tài sản là xe vào hợp tác xã hoặc tổ chức, doanh nghiệp, khi rút tài sản của mình ra khỏi Hợp tác xã hoặc tổ chức, doanh nghiệp thì chứng từ chuyển nhượng là Biên bản hoặc Quyết định trả lại xe kèm theo hóa đơn GTGT (không ghi dòng thuế GTGT)

3.2. Chứng từ lệ phí trước bạ xe:

3.2.1. Biên lai thu lệ phí trước bạ hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (đã được Kho bạc Nhà nước xác nhận); giấy ủy nhiệm chi qua ngân hàng nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính (nếu nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ thì phải có bản sao công chứng hoặc chứng thực của cơ quan cấp đối với từng xe);

3.2.2. Tờ khai nộp lệ phí trước bạ.

Trường hợp xe được miễn lệ phí trước bạ, chỉ cần Tờ khai nộp lệ phí trước bạ.

3.3. Chứng từ nguồn gốc xe

Từng loại xe phải có giấy tờ sau đây:

3.3.1. Xe nhập khẩu:

3.3.1.1. Xe nhập khẩu theo hợp đồng thương mại, xe miễn thuế, xe chuyên dùng có thuế suất 0%, xe viện trợ dự án và các xe thuộc đối tượng Bộ Tài chính quy định phải sử dụng tờ khai nguồn gốc: Tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính.

3.3.1.2. Xe nhập khẩu theo chế độ tạm nhập, tái xuất của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật hoặc theo Hiệp định giữa hai Nhà nước; xe của chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình dự án ODA ở Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc theo lời mời: giấy phép nhập khẩu xe của cơ quan Hải quan.

3.3.1.3. Xe nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà biếu, quà tặng hoặc xe nhập khẩu là tài sản di chuyển, xe viện trợ không hoàn lại, nhân đạo:

- Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ Tài chính.
- Biên lai thu thuế xuất, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu theo quy định phải có) hoặc lệnh ghi thu, ghi chi hoặc giấy nộp tiền qua kho bạc hoặc chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi qua ngân hàng ghi rõ đã nộp thuế.
- + Trường hợp không phải có biên lai thuế xuất, nhập khẩu, hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt thì phải có quyết định miễn thuế hoặc văn bản cho miễn thuế của cấp có thẩm quyền hoặc có giấy xác nhận hàng viện trợ theo quy định của Bộ Tài chính.
- + Trường hợp xe có thuế suất bằng 0%: Chỉ cần Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ Tài chính trong đó phải ghi nhãn hiệu xe, số máy, số khung.

3.3.1.4. Đối với rơmoóc, sơmi rơmoóc; máy kéo; xe máy điện nhập khẩu: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (dùng cho đăng ký biển số) theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Trường hợp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu không ghi nhãn hiệu thì trong Giấy đăng ký xe mục loại xe phải ghi tên nước sản xuất.

3.3.1.5. Xe ô tô chuyên dùng thuê của nước ngoài:

- Hợp đồng thuê;
- Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính.

3.3.1.6. Xe của các dự án:

3.3.1.6.1. Xe các dự án viện trợ của nước ngoài khi hết hạn, bàn giao cho phía Việt Nam:

- Chứng từ nguồn gốc của xe như quy định tại điểm 3.3 phần A mục II Thông tư này;
- Quyết định tiếp nhận của Thủ trưởng cấp Bộ (đối với cơ quan trung ương) hoặc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan ở địa phương);
- Biên bản bàn giao xe theo quy định.

Sau khi đã được cấp giấy đăng ký xe mang tên cơ quan Việt Nam, khi bán xe: xe thuộc các cơ quan Trung ương thì do Thủ trưởng cấp Bộ; xe thuộc địa phương quản lý thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Đối với xe viện trợ không đăng ký tên dự án mà đăng ký tên cơ quan Việt Nam, sau khi hết thời hạn dự án muốn bán phải có Quyết định cho bán của cấp có thẩm quyền như quy định trên.

Trường hợp xe viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được sang tên di chuyển bình thường theo quy định.

3.3.1.6.2. Xe (đã đăng ký) của dự án này bàn giao cho dự án khác:

- Văn bản bàn giao xe của chủ dự án nước ngoài;
- Công văn xác nhận hàng viện trợ của Vụ Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính.

3.3.2. Xe sản xuất, lắp ráp, cải tạo trong nước:

3.3.2.1. Xe lắp ráp: